

Bản án số: 85/2024/HS-ST
Ngày: 08-4-2014

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Quỳnh

Ông Tạ Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 28/3/2024, đối với bị cáo:

Huỳnh Thanh H (T), sinh ngày 09/01/1995 tại tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 7/12

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam

Tôn giáo: Phật Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Huỳnh Thanh T1 và bà Huỳnh Thị Kim Đ.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu.

Vợ là Hoàng Thị P, sinh năm 1996; có 02 con (con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể:

Ngày 11/9/2020, bị Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt số tiền 25.000.000đ về tội “Đánh bạc” theo bản án số 191/22020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tiền ngày 03/01/2024.

Tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến ngày 11/11/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Cẩm U, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Cẩm U làm nghề kinh doanh buôn bán tại nhà. Trong quá trình kinh doanh do cần vốn để lấy thêm một số mặt hàng buôn bán nên từ tháng 5/2023 đến 7/2023 bà U đã vay tiền của Huỳnh Thanh H 04 lần, cụ thể:

Lần thứ 01: Ngày 13/05/2023, H cho bà U vay số tiền 10.000.000 đồng với hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất của khoản vay là 183%/năm và trả liên tục trong vòng 40 ngày. Khoản vay này bà U đã trả xong, H thu được số tiền lãi là 2.000.000 đồng.

Lần thứ 02: Ngày 22/06/2023, H tiếp tục cho bà U vay số tiền 10.000.000 đồng với hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 300.000 đồng, lãi suất của khoản vay là 183%/năm và trả liên tục trong vòng 40 ngày.

Lần thứ 03: Ngày 24/06/2023, H tiếp tục cho bà U vay số tiền 20.000.000 đồng với hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 600.000 đồng, lãi suất của khoản vay là 183%/năm và trả liên tục trong vòng 40 ngày.

Lần thứ 04: Ngày 01/07/2023, do không có khả năng trả tiền góp đối với 02 khoản vay ngày 22/06/2023 và 24/06/2023 nên H và bà U thỏa thuận như sau:

+ Đối với khoản vay ngày 22/06/2023 đến ngày 30/06/2023, bà U đã trả được 09 ngày với tổng số tiền 2.700.000 đồng, trong đó có 450.000 đồng tiền lãi và 2.250.000 đồng tiền gốc.

+ Đối với khoản vay ngày 24/06/2023 đến ngày 30/06/2023, bà U đã trả được 07 ngày với số tiền 4.200.000 đồng, trong đó 700.000 đồng tiền lãi và 3.500.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền lãi bà U đã trả cho H 02 khoản vay trên là 1.150.000 đồng và số tiền gốc là 5.750.000 đồng. Tính đến ngày 30/06/2023, số tiền gốc bà U còn nợ H là 24.250.000 đồng. Ngày 01/07/2023, H đưa thêm cho bà U số tiền 5.750.000 đồng thành tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng. Khoản vay 30.000.000 đồng này H và bà U thỏa thuận mỗi ngày bà U phải trả cho H số tiền lãi là 300.000 đồng, bà U đã trả được 07 ngày tiền lãi với số tiền là 2.100.000 đồng thì đến ngày 07/11/2023 (ngày bị phát hiện) bà U chưa trả tiền lãi (tổng cộng 123 ngày) và tiền gốc cho H. Đối với khoản vay này tính đến ngày bị phát hiện (07/11/2023) thì vẫn còn trong thỏa thuận do bà U chưa trả đủ số tiền gốc là 30.000.000 đồng cho H và không có thỏa thuận nào khác về việc kết thúc khoản vay.

Việc vay tiền giữa H và bà U chỉ thỏa thuận bằng miệng và không có giấy tờ vay mượn, việc giao nhận tiền trực tiếp với nhau. Do không có khả năng trả nợ nên ngày 07/11/2023, bà U đã đến Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc.

Tổng số tiền H cho bà U vay 04 lần là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) với lãi suất là 183%/năm và 365%/năm. Tổng số tiền H thu lời bất chính áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 39.667.808 đồng. Tuy nhiên, do các khoản vay ngày 22/6/2023, bà U mới trả cho H được 09 ngày; khoản vay ngày 24/6/2023 và ngày 01/7/2023, bà U mới trả được cho H được 07 ngày nên tổng số tiền lãi thực tế H thu được là 5.250.000 đồng. Trong đó: lãi thu lợi bất chính (vượt quá lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định 20%/năm) là 4.789.750 đồng và lãi theo quy định Bộ luật dân sự là 460.250 đồng. Số tiền gốc bà U còn nợ của H là 30.000.000 đồng.

Ngày 11/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Thanh H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” để điều tra. Quá trình điều tra bị cáo H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKS-TB ngày 28/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Huỳnh Thanh H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh H từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của bị cáo Huỳnh Thanh H sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị Tòa án tịch thu, sung công.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Tòa án tuyên, buộc bị cáo Huỳnh Thanh H phải nộp lại số tiền 46.210.250 đồng (bao gồm 45.750.000 đồng tiền gốc bị cáo H sử dụng để cho bà U vay và số tiền 460.250 đồng tiền lãi (theo quy định của Bộ luật dân sự) bị cáo H đã thu được của bà U để tịch thu sung công. Bị cáo H phải trả lại cho bà U số tiền thu lời bất chính đã thu được là 4.789.750 đồng; buộc bà Lê Cẩm U phải trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh H số tiền 30.000.000 đồng là tiền gốc bà U còn đang nợ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Xuất phát từ quan hệ quen biết và do bà Lê Cẩm U có nhu cầu vay vốn để lấy thêm hàng buôn bán nên bị cáo Huỳnh Thanh H đã cho bà U vay 04 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 13/05/2023, cho vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp cả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng, lãi suất là 183%/năm. Bà U đã trả xong trong vòng 40 ngày, thu tiền lãi 2.000.000 đồng. Bị cáo thu lời bất chính số tiền **1.780.822 đồng** $((10.000.000đ \times 183\%/năm \times 40 \text{ ngày}) - (10.000.000đ \times 20\%/năm \times 40 \text{ ngày}))$.

Lần thứ hai: Ngày 22/06/2023, cho vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp cả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng, lãi suất là 183%/năm. Bà U đã trả được 9 ngày, thu tiền lãi 450.000 đồng. Bị cáo thu lời bất chính số tiền **400.689 đồng** $((10.000.000đ \times 183\%/năm \times 9 \text{ ngày}) - (10.000.000đ \times 20\%/năm \times 9 \text{ ngày}))$.

Lần thứ ba: Ngày 24/06/2023, cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp cả tiền gốc và tiền lãi là 600.000 đồng, lãi suất là 183%/năm. Bà U đã trả được 7 ngày, thu tiền lãi 700.000 đồng. Bị cáo thu lời bất chính số tiền **623.287 đồng** $((20.000.000đ \times 183\%/năm \times 7 \text{ ngày}) - (20.000.000đ \times 20\%/năm \times 7 \text{ ngày}))$.

Lần thứ 04: Do không có khả năng trả tiền góp đối với 02 khoản vay ngày 22/06/2023 và 24/06/2023 nên H và bà U thỏa thuận: Tiền gốc của hai khoản vay này còn 24.250.000 đồng. Ngày 01/7/2023, H đưa thêm cho bà U số tiền 5.750.000 đồng thành tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng. Thỏa thuận mỗi ngày trả lãi là 300.000 đồng, lãi suất là 365%/năm. Bà U đã trả được 7 ngày cho đến ngày 07/11/2023 (ngày bị phát hiện), thực tế thu tiền lãi 2.100.000 đồng. Bị cáo thu lời bất chính số tiền **36.863.014 đồng** $((30.000.000đ \times 365\%/năm \times 130 \text{ ngày}) - (30.000.000đ \times 20\%/năm \times 130 \text{ ngày}))$.

Như vậy, bị cáo H và bà U đã thỏa thuận cho vay với lãi suất 183%/năm và 365%/năm (gấp hơn 9 lần 18 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015), thu lợi bất chính số tiền **39.667.812 đồng**. Do đó, bị cáo Huỳnh Thanh H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại

khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và xâm phạm đến lợi ích của công dân. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị xử phạt tiền về tội “Đánh bạc” theo bản án số 191/22020/HSST ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nhưng đến ngày 03/01/2024 mới chấp hành xong nên bị cáo chưa được xoá án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội chưa đạt và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Huỳnh Thanh H, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6] *Về các biện pháp tư pháp*:

[6.1] Đối với số tiền 46.210.250 đồng (bao gồm 45.750.000 đồng tiền gốc bị cáo H sử dụng để cho bà U vay và số tiền 460.250 đồng tiền lãi (theo quy định của Bộ luật dân sự) bị cáo H đã thu được của bà U. Cần buộc bị cáo giao nộp số tiền 16.210.250 đồng (10.000.000đ + 5.750.000đ + 460.250đ); buộc bà U giao nộp số tiền 30.000.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 4.789.750 đồng ((2.000.000đ + 450.000đ + 700.000đ + 2.100.000đ) – 460.250đ) thu lời bất chính, cần buộc bị cáo H phải trả lại cho bà U.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, xử lý vật chứng, áp dụng các biện pháp tư pháp và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh H 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).**

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám (đã qua sử dụng). *(Vật chứng trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).*

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Buộc bị cáo Huỳnh Thanh H phải nộp số tiền 16.210.250 đồng (mười sáu triệu hai trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng) để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc bà Lê Cẩm U phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Huỳnh Thanh H phải trả lại cho bà Lê Cẩm U số tiền 4.789.750 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Huỳnh Thanh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND t. Đồng Nai;
- Công an h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- UBND xã (phường) nơi các b/c cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung

